TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 10/9/2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Quốc Hội

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST - HNGĐ ngày 29/5/2020về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXX- ST ngày 05/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị C Th L, sinh năm 1984

Trú tại: Thôn Qu, xã Th H, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đ X B, sinh năm 1983

Trú tại: Thôn Qu, xã Th H, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2020 và bản tự khai ngày 26/6/2020 của nguyên đơn C Th L trình bày giữa chị và anh Đ X B đã đăng ký kết hôn ngày 30/6/2005tại Ủy ban nhân dân xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 03 người con. Sau đó hai vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị L làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chịđược ly hôn với anh B.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 03 người con chung là cháu Đ Th Th Th, sinh ngày 05/8/2006, cháu Đ Ch L, sinh ngày 15/9/2007 và cháu Đ A T, sinh ngày 25/11/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng các con muốn ở với ai chị L tôn trọng nguyện vọng của các con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Khoản vay chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh B nhiều lần nhưng anh B không đến Toà án để tham gia các phiên hòa giải và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh B khai anh nhất trí như ý kiến của chị L về phần tình cảm, về con chung do con đang ở với anh B ổn định, chị L hiện nay đang làm ăn xa và nguyện vọng của các con xin được ở với bố nên anh B xin được nuôi 3 con chung để đảm bảo việc học hành cho các cháu. Tài sản chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản vay chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm xét xử đối với vụ án: Áp dụng Điều Điều 28, 147, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Quyết 326 ngày 30/ 12/ 2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên xử chị C Th L được ly hôn anh Đ X B.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh Đ X B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Th Th Th, sinh ngày 05/8/2006, cháu Đ Ch L, sinh ngày 15/9/2007 và cháu Đ A T, sinh ngày 25/11/2012. Xử buộc chị C Th L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) cho mỗi cháu, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mà chị L phải chịu là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Đ Th Th Th, cháu Đ Ch L và cháu Đ A T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, các khoản vay chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị C Th L và anh Đ X B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C Th L và anh Đ X B đã đăng ký kết hôn 30/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của chị L xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C Th L được ly hôn với anh Đ X B.

[2] Về con chung: Xét thấy điều kiện của chị L và anh B đều đủ khả năng nuôi dưỡng con cái, chị L hiện nay đang làm ăn xã nên muốn giáo con lại cho anh B nuôi dưỡng, về phía anh B chấp nhận theo như ý kiến của chị L vì hiện nay con đang ở với anh, nguyện vọng của các con là xin được ở với bố. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh Đ X B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Th Th Th, sinh ngày 05/8/2006, cháu Đ Ch L, sinh ngày 15/9/2007 và cháu Đ A T, sinh ngày 25/11/2012. Xử buộc chị C Th L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) cho mỗi cháu, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mà chị L phải chịu là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Đ Th Th Th, cháu Đ Ch L và cháu Đ A T tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung: Chị L và anh Bình không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về khoản vay chung không có nên không xem xét.

[4] Án phí: Chị C Th L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004305 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị L còn phải tiếp tục nộp tiền án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị C Th L được ly hôn với anh Đ X B.

2. Về con chung: xử giao cho anh Đ X B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Th Th Th, sinh ngày 05/8/2006, cháu Đ Ch L, sinh ngày 15/9/2007 và cháu Đ A T, sinh ngày 25/11/2012. Xử buộc chị C Th L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho mỗi tháng là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng) cho mỗi cháu, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mà chị L phải chịu là 2.100.000đ (Hai triệu một trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu Đ Th Th Th, cháu Đ Ch L và cháu Đ A T tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 10/2020. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị C Th L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Liễu đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004305 ngày 19/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Chị L còn phải tiếp tục nộp tiền án phí số tiền 300.000 đồng.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/9/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Tr H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn